

REV.	DATE
init.	
a	2010/08/05 図面作図
b	2014/06/06 寸法修正
△	

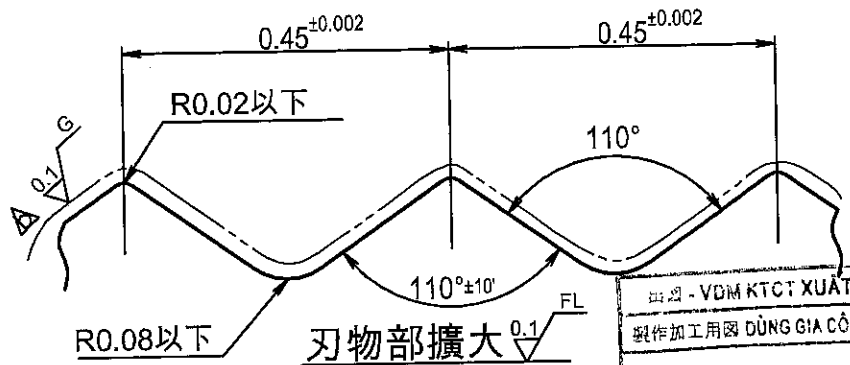
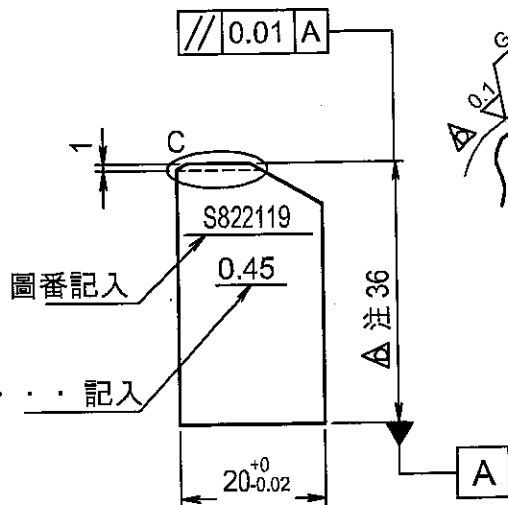
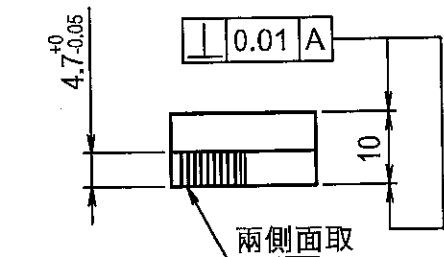
FITTING TOLERANCE	
5 ≤, ≤ 6	± 0.1
6 <, ≤ 30	± 0.2
30 <, ≤ 120	± 0.3
120 <, ≤ 400	± 0.5
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k	
FINISH MARKS	
0.4	(0.1)

213.807.007 B

20p

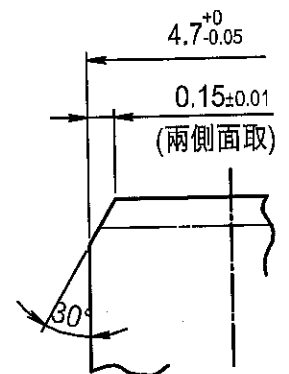
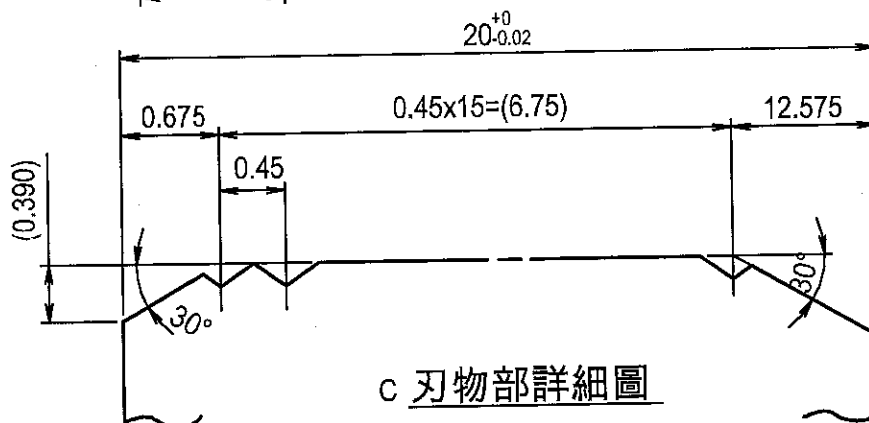
未指示角部C0.5(SC-223)

本圖は圖と寸法は比例しておりません.



出廠 - VDM KTCT XUẤT BẢNG
製作加工用図 DÙNG GIA CÔNG CHẾ 1
03-07-2018
TRẢ VỀ SAU 3 THÁNG
NO COPY
CONFIDENTIAL

面取詳細圖



註記:(SC-147)

有關再研磨時的高度尺寸, 高度管理上再研磨時的尺寸是每隔0.5mm加工(SC-266)

EM10東芝タンガロイ(株)

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Huang_Wen_I	Ho_Shou_Hsuan	部品図		平ダイス
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		STRAIGHT DIES
HRC		部品図		平模
		部品図		平模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(KM10)	2010/06/30	1:1		S822119

MABUCHI MOTOR CO. LTD.

BTP S056 & 60

213 18 07 006

SNO: <b>S822119</b>	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: <b>10 P</b>	
NGƯỜI THIẾT LẬP: <b>10197</b>	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
	<b>GS : 40</b> <b>GP : 30</b> <b>AL : 1</b> <b>KT</b>